TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH L
TỈNH VĨNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/2022/DS-ST
Ngày: 17 - 01 - 2022
Về việc: "Hợp đồng thẻ tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn C

2. Ông Nguyễn Tấn T

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bé D - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh L, tham gia phiên tòa:* (không tham gia).

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 119/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2021, về việc "Hợp đồng thẻ tín dụng". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2021/QĐXX-STDS, ngày 01 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 481/2021/QĐST-DS, ngày 20 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: *Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T*

Trụ sở số 266 - 268, Nam Kỳ Khởi N, phường Võ Thị S, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Hồng S - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T - Chi nhánh Vĩnh L.

Người đại diện được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Phú Q - Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T - Chi nhánh Vĩnh L (Giấy ủy quyền số 166/2021/UQ-CNVL ngày 11/5/2021). (vắng mặt theo đơn)

Địa chỉ liên lạc tại số 35B, đường 3/2, Phường 1, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

2. Bị đơn: *Ông Nguyễn Tiết N, sinh năm 1990 (vắng mặt)*

Nơi cư trú tại nhà số B114, đường Phan Văn Đ, Khóm 3, Phường 9, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/5/2021 và tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện: Ngân hàng và ông N có ký kết hợp đồng thẻ tín dụng số: 1207211, ngày 22/02/2019 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của ông N, Ngân hàng duyệt cấp 01 thẻ chính tín dụng số: 356480- 5288, loại thẻ quốc tế Sacombank JCB classic với hạn mức sử dụng 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn 2.5% tháng; khi phát sinh quá hạn, áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn 150% khi phát sinh quá hạn, áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn 150% của lãi suất trong hạn theo từng thời kỳ được quy định tại Điều 22 và Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Quá trình giao dịch được thể hiện chi tiết trên bảng sao kê ngày 11/5/2021 cụ thể ông N bắt đầu thực hiện hợp đồng giao dịch thẻ từ ngày 22/3/2019 đến ngày 22/6/2019 tổng cộng 04 kì bằng 21.090.000 đồng và thanh toán được 02 kì bằng 2.650.000 đồng rồi ngưng không thanh toán nợ vay, đến ngày 22/9/2019 số dư nợ trong hạn tổng cộng 23.193.917 đồng và Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 11/5/2021 số dư nợ cuối kì là 41.194.661 đồng (trong đó dư nợ trong hạn 23.193.917 đồng, lãi quá hạn 18.000.744 đồng). Ngân hàng yêu cầu ông N phải thanh toán và còn phải chịu tiền lãi phát sinh đến khi thanh toán xong nợ vay theo hợp đồng thẻ tín dụng.

Tại phiên hòa giải ngày 18/11/2021, Ngân hàng yêu cầu ông N phải có nghĩa vụ trả tổng cộng 46.953.693 đồng (trong đó nợ gốc 23.193.917 đồng, lãi quá hạn 23.759.776 đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 19/11/2021 đến khi thanh toán xong nợ. Về án phí sơ thẩm, ông N chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí.

- Bị đơn Nguyễn Tiết N vắng mặt các phiên họp hòa giải và công khai chứng cứ: Tòa án tống đạt văn bản tố tụng vào ngày 12/10/2021 và lần hai vào ngày 28/10/2021 để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 28/10/2021 và ngày 18/11/2021; Thông báo kết quả công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 04/12/2021 nhưng vắng mặt, không lý do và không có lời khai phản hồi vụ kiện nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Quốc đề nghị xét xử vắng mặt theo đơn ngày 17/01/2022 và kèm theo bản sao kê tính lãi như sau: Ngân hàng yêu cầu ông N phải có nghĩa vụ thanh toán tiền thẻ tín dụng đã ký kết. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 17/01/2022, ông N phải trả nợ vay cho Ngân hàng số tiền gốc 23.193.917 đồng, tiền lãi quá hạn 25.568.896 đồng. Tổng cộng tiền vốn lãi 48.762.813 đồng (Bốn mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm mười ba đồng). Ngoài ra, ông N phải chịu

tiền lãi tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (17/01/2022) phải chịu tiền lãi suất nợ quá hạn theo hợp đồng thẻ tín dụng ngày 22/02/2019.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông N vắng mặt, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng lần thứ nhất vào ngày 08/12/2021 và lần hai vào ngày 24/12/2021 để tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ngày 20/12/2021 và phiên tòa sơ thẩm lần hai ngày 17/01/2022 nhưng vắng mặt, không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Hợp đồng thẻ tín dụng ký kết giữa một bên chủ thể đăng ký kinh doanh và một bên là cá nhân không có đăng ký kinh doanh, sử dụng tiền vay vào mục đích tiêu dùng nên chưa hội đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định là hợp đồng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại địa phận thành phố Vĩnh L. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, loại việc trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

- Hợp đồng thẻ tín dụng được xác lập vào năm 2019. Hội đồng xét xử áp dụng Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

- Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L đã tống đạt văn bản tố tụng để triệu tập ông N tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt, không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N, ông Quốc theo luật định.

[2]. Ngân hàng yêu cầu ông N phải thanh toán nợ vay còn lại tổng cộng 48.762.813 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng thẻ tín dụng, trên cơ sở tài liệu chứng cứ chứng minh là hợp đồng thẻ tín dụng số: 1207211 ngày 22/02/2019, số thẻ tín dụng 356480-5288 kèm theo chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của ông N. Phía ông N vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản hồi việc khởi kiện của Ngân hàng cũng như nội dung các văn bản tố tụng Tòa án đã thông báo. Ông N không đưa ra chứng cứ để chứng minh bảo vệ quyền lợi cho mình nên phải chịu hậu quả theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu chứng cứ do phía Ngân hàng xuất trình thể hiện ông N có ký tên thực hiện giao dịch vay tiền qua thẻ tín dụng tại Ngân hàng thông qua các thủ tục nêu trên là có cơ sở.

[3]. Về mức lãi suất thỏa thuận được thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng. Vì vậy, ông N phải chịu tiền lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là có căn cứ chấp nhận. Ngày 22/9/2019, ông N không thanh toán nợ nên được chuyển sang nợ quá hạn theo Điều 22, 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là có căn cứ. Do đó, theo quy định Điều 463 và khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự, ông N phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tổng cộng 48.762.813 đồng (Bốn mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm mười ba đồng). Trong đó, nợ gốc 23.193.917 đồng, tiền lãi quá hạn 25.568.896

đồng. Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (17/01/2022) cho đến khi thi hành án xong, ông N còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng thẻ tín dụng ngày 22/02/2019.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận. Do đó, phía bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm dân sự, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông N phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch là 2.438.000 đồng.

- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T không phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp1.030.000 đồng, theo biên lai số $N^0$0000288, ngày 10/6/2021 của cơ quan Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh L, cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Các Điều 463, 466, 688 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Các Điều 227, 91, 147, 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử**:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T.

- Buộc ông Nguyễn Tiết N phải thanh toán hợp đồng thẻ tín dụng ngày 22/02/2019, số thẻ chính tín dụng 356480-5288. Tổng cộng các khoản nợ vay đến tại thời điểm xét xử sơ thẩm (17/01/2022) là 48.762.813đồng (Bốn mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm mười ba đồng), trong đó (nợ gốc 23.193.917 đồng, tiền lãi quá hạn 25.568.896 đồng) cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (17/01/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn của hợp đồng thẻ tín dụng ngày 22/02/2019.

II. Án phí sơ thẩm: Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 1.030.000 đồng, theo biên lai số N^0 0000288, ngày 10/6/2021 của cơ quan Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh L, cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T.

Ông N phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự 2.438.000 đồng.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Tòa án cấp tỉnh;
- T.H.A cùng cấp;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)
Nguyễn Thu T